

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 329/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị S**, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh B (văn bản uỷ quyền ngày 06/5/2024).

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Thuý D**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn Lượm Em**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh B.

Tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Đinh Thị S và bản khai chị Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Bà Sáng có tham gia 03 dây hội do bà D làm chủ đầu thảo gồm:

Dây 1: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/06/2020 (24/4/2020 âm lịch sau) gồm 25 phần, bà Sáng tham gia 03 phần, hót 1 phần ngày 24/2/2022, còn 02 phần, đóng được 23 tháng hội sống (đến tháng 02/2022) với số tiền 34.600.000 đồng, bà D chưa giao cho bà Sáng số tiền này. Hội mãn vào ngày 24/4/2022 âm lịch (trong giấy hội ghi tên chị 10 Phương, chị 10 Phương (Thơ)).

- Dây 2: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 5/10/2020 (19/08/2020 âm lịch) gồm 25 phần, bà Sáng tham gia 03 phần, đóng được 21 tháng hội sống (đến tháng 4/2022) với số tiền 47.400.000 đồng, bà D chưa giao cho bà Sáng số tiền này. Hội mãn vào ngày 19/08/2022 âm lịch (trong giấy hội ghi tên chị 10 Phương (8 Hoàng)).

- Dây 3: Hội 1.000.000 đồng khai ngày 5/11/2020 (20/9/2020 âm lịch) gồm 25 phần, bà Sáng tham gia 01 phần, đóng được 18 tháng hội sống (đến tháng 2/2022) với số tiền 13.550.000 đồng, bà D chưa giao bà Sáng số tiền này. Hội mãn vào ngày 20/9/2022 âm lịch (trong giấy hội ghi tên chị 10 Phương).

Tổng cộng: 95.550.000 đồng.

Ngày 16/12/2021 bà D có kêu bà Sáng đến nhà, ông L nan nỉ bà Sáng tiếp tục đóng hội đến tháng 02/2022 mãn hội sẽ giao đủ cho bà Sáng. Nhưng đến ngày 24/03/2022, bà D vỡ hội mất khả năng thanh toán nên đến nay vẫn chưa thanh toán cho bà Sáng số tiền này, nhiều lần bà Sáng liên hệ bà D, ông L thu hồi số tiền trên nhưng bà D, ông L không hợp tác và thách thức đưa ra pháp luật giải quyết. Bà D chơi hội có lời, chơi hội để tạo ra nguồn thu, chỉ nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu, làm kinh tế gia đình. Nên bà D và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Sáng số tiền hội trên. Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Sáng tiền nợ hội gồm: Tiền gốc là 95.550.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/03/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024 bà Lê Thị Thuý D trình bày:

Bà sống cùng ông Lượm Em nhưng hiện đã ly thân, bà và ông Lượm Em chưa ly hôn do còn nhiều khoản nợ, khi nào trả xong mới làm thủ tục ly hôn, còn việc nợ tiền ai thì bà không nhớ. Bà không đồng ý trả lời bất kỳ câu hỏi nào của Tòa án có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024 ông Lượm Em trình bày:

Ông Lượm Em có biết bà D tổ chức chơi hội cách nay khoảng 06-07 năm do khi hội viên nợ tiền hội của bà D, bà D có khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu giải quyết, ông Lượm Em có chở bà D đến Tòa án để thực hiện việc khởi kiện. Lúc này ông Lượm Em có yêu cầu bà D không tổ chức chơi hội nữa. Thời gian sau này ông Lượm Em nghe mọi người nói bà D tổ chức chơi hội nhưng cũng không hỏi bà D vì bà D không có tổ

chức chơi ở nhà nên nghĩ không liên quan gì đến ông. Đến cách nay khoảng 2 năm có nhiều người đến nhà đòi tiền hụi bà D thì ông mới biết việc bà D tổ chức chơi hụi và bị vỡ hụi nhưng bà D chơi hụi với ai, đóng tiền hụi, khui hụi, thu tiền hụi ở đâu thì ông không biết. Ông Lượm Em và bà D kết hôn đến nay khoảng 30 năm và sống chung nhà cho đến hiện nay. Chi phí sinh hoạt của ông và các con là do ông chi trả từ tiền do ông tự làm ra. Bà D tự lo cho chi phí của cá nhân bà D, bà D không lo gì chi phí chăm sóc các con và gia đình. Ông Lượm Em không đồng ý liên đới nghĩa vụ cùng bà D trả tiền nợ hụi theo yêu cầu của bà S, do ông Lượm Em hoàn toàn không biết gì về việc bà D tổ chức chơi hụi, bà D sử dụng tiền hụi vào mục đích gì ông cũng không biết, cũng không có sử dụng tiền hụi nên không có liên quan gì trong việc chơi hụi của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Lê Thị Thuý D và ông Phạm Văn Lượm Em có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị S số tiền nợ hụi gốc là 95.550.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/03/2022 đến ngày 24/9/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội D đơn khởi kiện của bà Đinh Thị S thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Lê Thị Thuý D có địa chỉ nơi cư trú tại xã N, huyện M, tỉnh B.. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Lượm Em đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn Lê Thị Thuý D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lượm Em và bà D theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội D tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ hui của nguyên đơn Đinh Thị S về việc yêu cầu bị đơn Lê Thị Thuý D trả tiền nợ hui tổng cộng là 95.550.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời xác nhận của những người làm chứng thể hiện bà S có tham gia chơi ba dây hui do bà Lê Thị Thuý D làm chủ hui và số tiền hui bà D hiện còn nợ bà S là 95.550.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp, thông báo cho bà D về các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập được để bà D biết và nêu ý kiến nhưng bà D không đến Toà án cho lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét, bà D cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại, bà D vẫn đang cư trú, có mặt tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp, khi Toà án đến nơi cư trú của bà D để xác minh, lấy lời khai của bà D về những nội D có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà D không hợp tác, không đồng ý cho lời khai những nội D có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy, bị đơn bà D không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là những tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền nợ hui tổng cộng 95.550.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu của bà S về việc yêu cầu bà D phải trả lãi của số tiền nợ hui gốc 95.550.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 24/3/2022 đến ngày Toà án xét xử, thành tiền là 23.791.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Xét thấy, mức lãi suất và thời gian tính lãi của bà S là phù hợp quy định pháp luật nên yêu cầu trả lãi của bà S được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[2.3] Xét yêu cầu của bà S về việc yêu cầu ông Lượm Em có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L không đồng ý liên đới cùng bà D trả nợ cho bà S. Lý do ông đưa ra là ông chỉ biết bà D tổ chức chơi hui nhưng ông không biết bà D chơi hui với ai, việc khai hui, đóng tiền hui, thu tiền hui ở đâu thì ông không biết, ông với bà D mạnh ai nấy sống, kinh tế và chi tiêu riêng nên ông xác định ông không có liên quan gì trong việc tổ chức chơi hui của bà D. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lượm Em và bà D là vợ chồng hợp pháp, thời gian bà D tổ chức chơi hui thì ông L và bà D vẫn sống chung nhà, trong thời gian này giữa ông L và bà D không có thoả thuận nào về việc phân chia tài sản chung hay tách bạch việc làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ cho bà S là phù hợp.

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S số tiền nợ hui gốc là 95.550.000 đồng và tiền lãi là 23.791.000 đồng, tổng cộng là 119.341.000 đồng.

Các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.967.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị S cụ thể:

1. Buộc bà Lê Thị Thuý D và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị S số tiền nợ hui là 95.550.000 đồng (chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 23.791.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi một ngàn đồng), tổng cộng là 119.341.000 đồng (một trăm mười chín triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Thuý D và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.967.000 đồng (năm triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

